

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày: 27-4-2021

V/v tranh chấp:

"Hợp đồng vay tài sản"

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhA dA:

1/ Ông Trần Thanh Long

2/ Ông Nguyễn N Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cum Anh- Thư ký Tòa án nhA dA huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án dA sự thụ lý số: 145/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ông **Lâm Hồng A**, sinh năm 1970. Địa chỉ: đường L, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ – có mặt.

2/ *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Như N**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện P, thành phố Cần Thơ – vắng mặt.

3/ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà **Lâm Thị M2**, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện P, thành phố Cần Thơ. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 01/02//2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của ông Lâm Hồng A ngày 26-8-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà Huỳnh Như N là bạn của em ông là bà Lâm Thị M2. Do bà M2 giới thiệu nên ông có cho bà N số tiền cụ thể như sau: Từ khoảng tháng 10 năm 2018 đến tháng 11 năm 2019, bà N có vay của ông 03 lần: Lần 01 vay 50.000.000đ và lần 2 vay 50.000.000đ; thỏa thuận lãi suất 5%/ tháng; không có thỏa thuận thời hạn trả. Bà N có đóng lãi được vài lần, tổng số tiền lãi đã đóng ông không nhớ. Đến ngày 01-11-2019, bà N vay thêm 60.000.000đ nữa, ông và bà N lập hợp đồng mượn tiền vốn và lãi cộng chung là 214.000.000đ, lãi suất là 5%; thời hạn là 02 tháng trả, còn các biên nhận cũ ông đã đưa lại cho bà N hủy bỏ. Tuy nhiên, đến hạn mà bà N hèn mà không trả, ông đòi nhiều lần không được nên có nhờ chính quyền địa phương giải quyết.

Tại phiên tòa, ông yêu cầu bà N trả cho ông số tiền vốn gốc là 160.000.000đ và lãi từ ngày 01-11-2019 đến ngày 01-8-2020 theo mức lãi suất là 20%/ năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Như N vắng mặt và không có cung cấp văn bản ý kiến nào cho Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Thị M2 trình bày: Bà là em ruột của ông Lâm Hồng A, còn bà Huỳnh Như N là bạn của bà. Bà N có nhu cầu vay tiền để làm ăn nên nhờ bà giới thiệu với ông A để bà N vay tiền của ông A. Bà N vay của ông A nhiều lần, thời gian cụ thể thì bà không nhớ rõ, tổng cộng số tiền vốn là 160.000.000đ, với lãi suất là 5%/ tháng. Mỗi lần vay bà N đều có làm biên nhận, khi vay thêm thì làm biên nhận mới, bỏ biên nhận cũ. Biên nhận lần cuối vốn lãi cộng vào là 214.000.000đ. Lúc vay thì bà N trực tiếp nhận tiền.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tuA theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ. Về kiểm sát tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh Như N có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Hồng A tổng số tiền 184.000.000đ (trong đó: vốn gốc là 160.000.000đ và lãi là 24.000.000đ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Vào ngày 26-8-2020, ông Lâm Hồng A khởi kiện bà Huỳnh Như N yêu cầu trả số tiền vốn và lãi là 235.400.000đ nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp M, xã M1, huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án:* Vào ngày 04-3-2021 ông Lâm Hồng A có đơn yêu cầu không tổ chức phiên họp hòa giải nữa nên Tòa án không tổ chức phiên họp hòa giải nữa theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt suốt không có lý do; còn người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lâm Thị M2 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Sau khi Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết nên mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét nguyên đơn là ông Lâm Hồng A yêu cầu bị đơn là bà Huỳnh Như N trả số tiền vay 214.000.000đ và lãi đến ngày 01-8-2020 là 21.400.000đ và có cung cấp chứng cứ là biên nhận mượn tiền ngày 01-11-2019 (bút lục 09) và biên bản hòa giải ngày 29-5-2020 của chính quyền ấp Mỹ Lộc (bút lục 03-04). Tuy nhiên, theo nội dung biên bản hòa của ấp Mỹ Lộc giải thể hiện “Bị đơn thừa nhận vay số tiền vốn gốc là 160.000.000đ và yêu cầu không tính lãi” nên xét thấy việc bà N vay nợ của ông A là có thật. Nhưng xét về vốn gốc, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông A cũng xác định vốn gốc là 160.000.000đ là phù hợp với lời khai của bà N tại biên bản hòa giải ngày 29-5-2020 của chính quyền ấp Mỹ Lộc nên ghi nhận.

[4] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận lãi suất ghi trong hợp đồng là 5%/tháng là cao so với quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, các bên có quyền thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông A chỉ yêu cầu bà N trả vốn gốc là 160.000.000đ và tính lãi suất từ ngày 01-11-2019 đến ngày 01-8-2020 theo mức lãi suất 20% trên năm; cụ thể số tiền lãi: $(160.000.000đ \times 20\% / 12 \text{ tháng} \times 09 \text{ tháng})$ thành tiền tương đương 24.000.000đ là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[5] Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N nhưng bà N không có cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến phản bác

nào về yêu cầu của nguyên đơn nên xác định bà N còn nợ tiền vay của ông A là sự thật.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà N trả cho ông A số tiền 184.000.000đ là có căn cứ.

[7] Về án phí dA sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147, Điều 150 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: (184.000.000đ x 5%) là 9.200.000đ.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 91, 92, khoản 1 Điều 147, 150, khoản 4 Điều 207, 227, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Huỳnh Như N có trách nhiệm trả cho ông Lâm Hồng A số tiền **184.000.000đ** (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng). Trong đó: vốn gốc là 160.000.000đ và lãi là 24.000.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong **nợ gốc**, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Như N phải chịu 9.200.000 đồng (Chín triệu hai trăm ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ông Lâm Hồng A được nhận lại tiền tạm ứng án phí 5.885.000đ (Năm triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2019/017711 ngày 02-11-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, thành phố Cần Thơ.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND. TP/ Cần Thơ;
- VKSND.H/ Phong Điền;
- Chi CTHADS H/ Phong Điền;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Văn Lo